

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN THAN ĐÔNG BẮC

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 5701650781 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 12/7/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 04/04/2018)



ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT VÀ THÔNG TIN BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP
TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN THAN ĐÔNG BẮC

Địa chỉ: Khu 6B, P. Cẩm Thịnh, Tp. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Điện thoại: (0203) 3866268

Fax: (0203) 3865732

Email: support@vtcbdongbac.com.vn

Website: www.vtcbdongbac.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

Địa chỉ: Tầng 3, Số 2A Đại Cồ Việt, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (024) 35739779

Fax: (024) 35739769

Website: www.sisi.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Ông: Phương Kim Mừng

Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: (0203) 3866268

Fax: (0203) 3865732

Quảng Ninh, tháng 09/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN THAN ĐÔNG BẮC

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 5701650781 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 12/7/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 04/04/2018)



**ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc
Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu: **VDB**
Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng đăng ký giao dịch: 5.100.000 cổ phiếu
Tổng giá trị đăng ký giao dịch: 51.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

Địa chỉ: Tầng 3, Số 2A Đại Cồ Việt, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (024) 35739779

Fax: (024) 35739769

Website: www.sisi.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PKF VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 10 và 12 tòa nhà Hapulico, số 1 Nguyễn Huy Tưởng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (024) 66644488

Fax: (024) 66642233

Email: pkfvietnam@pkf.com.vn

Website: www.pkf.com.vn

MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	3
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	3
2. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty (Trang bên).....	5
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông:	10
4. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của công ty, những Công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty:.....	11
5. Hoạt động kinh doanh	11
6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2016 đến 04/04/2018.....	13
7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	14
8. Chính sách đối với người lao động	17
9. Chính sách cổ tức	20
10. Tình hình tài chính	20
11. Tài sản	24
12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	27
13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty	29
14. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh	29
15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty:.....	30
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	30
1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị.....	30
2. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Ban kiểm soát	34
3. Sơ yếu lý lịch Ban Giám đốc:	37
4. Sơ yếu lý lịch Kế toán trưởng:	38
5. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty	39
III. PHỤ LỤC.....	40

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung về công ty đăng ký giao dịch

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN THAN ĐÔNG BẮC
- Tên tiếng Anh: DONG BAC TRANSPORT AND PROCESSING OF COAL JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: CÔNG TY CP VT & CB THAN ĐÔNG BẮC
- Trụ sở chính: Khu 6B, P. Cẩm Thịnh, Tp. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
- Điện thoại: (0203) 3866268 Fax: (0203) 3865732
- Email: support@vtcbdongbac.com.vn
- Website: www.vtcbdongbac.com.vn
- Logo:



- Vốn điều lệ đăng ký: 51.000.000.000 đồng
- Vốn thực góp: 51.000.000.000 đồng
- Người đại diện pháp luật: Ông Phương Kim Mừng Chức vụ: Giám đốc
- Ngày trở thành công ty đại chúng: 20/07/2018
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 5701650781 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 12/07/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 04/04/2018.
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - + Khai thác và thu gom than bùn.
 - + Khai thác và thu gom than cứng.
 - + Khai thác và thu gom than non.
 - + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
 - + Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.

1.2 Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Mã chứng khoán: **VDB**
- Tổng số lượng chứng khoán ĐKGD: **5.100.000** cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của TCĐKGD: 1.796.700 cổ phiếu. Trong đó:
 - + Cổ đông chiến lược: 818.900 cổ phiếu (tương ứng 16,06% tổng số cổ phiếu đang lưu

hành). Thời gian hạn chế chuyển nhượng là 05 (năm) năm (04/04/2018 đến 03/04/2023). Căn cứ vào Điều 6 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/07/2011 và Công văn cam kết của cổ đông chiến lược.

- + Người lao động cam kết làm việc lâu dài: 977.800 cổ phiếu (tương ứng 19,17% tổng số cổ phiếu đang lưu hành). Thời gian hạn chế chuyển nhượng được căn cứ vào Khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/07/2011 và Đơn đăng ký mua cổ phần của người lao động.
- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài: Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán. Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19/08/2015 của Bộ tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tại thời điểm ngày 10/07/2017, tỷ lệ sở hữu của người nước ngoài tại Công ty là 0%.

1.3 Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc tiền thân là Xí nghiệp Chế biến kinh doanh than, được thành lập ngày 28/12/1995 theo Quyết định số 394/QĐ-ĐB của Giám đốc Công ty Đông Bắc.

Đến tháng 9 năm 2006 chuyển từ Xí nghiệp Chế biến kinh doanh than thành Công ty chế biến và kinh doanh than theo quyết định số 151/2006/QĐ-BQP ngày 11 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Từ ngày 04/5/2012 được chuyển đổi từ Công ty Chế biến và kinh doanh than (công ty hạch toán phụ thuộc) sang Công ty TNHH MTV Vận tải và Chế biến than Đông Bắc (hoạt động theo mô hình Công ty mẹ Công ty con, hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Đông Bắc) theo quyết định số 1409/QĐ-BQP ngày 04/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Ngày 29/12/2017, Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 5922/QĐ-BQP của Bộ Quốc phòng.

Ngày 26/02/2018, Công ty đã tổ chức thành công phiên đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại CTCP Chứng khoán SmartInvest với tổng số cổ phần chào bán thành công là 255.000 cổ phần và giá đấu thành công bình quân là 10.061 đồng/cổ phần.

Ngày 04/04/2018, Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc.

Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 5701650781 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

12/07/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 04/04/2018 với vốn điều lệ thực góp là 51.000.000.000 đồng.

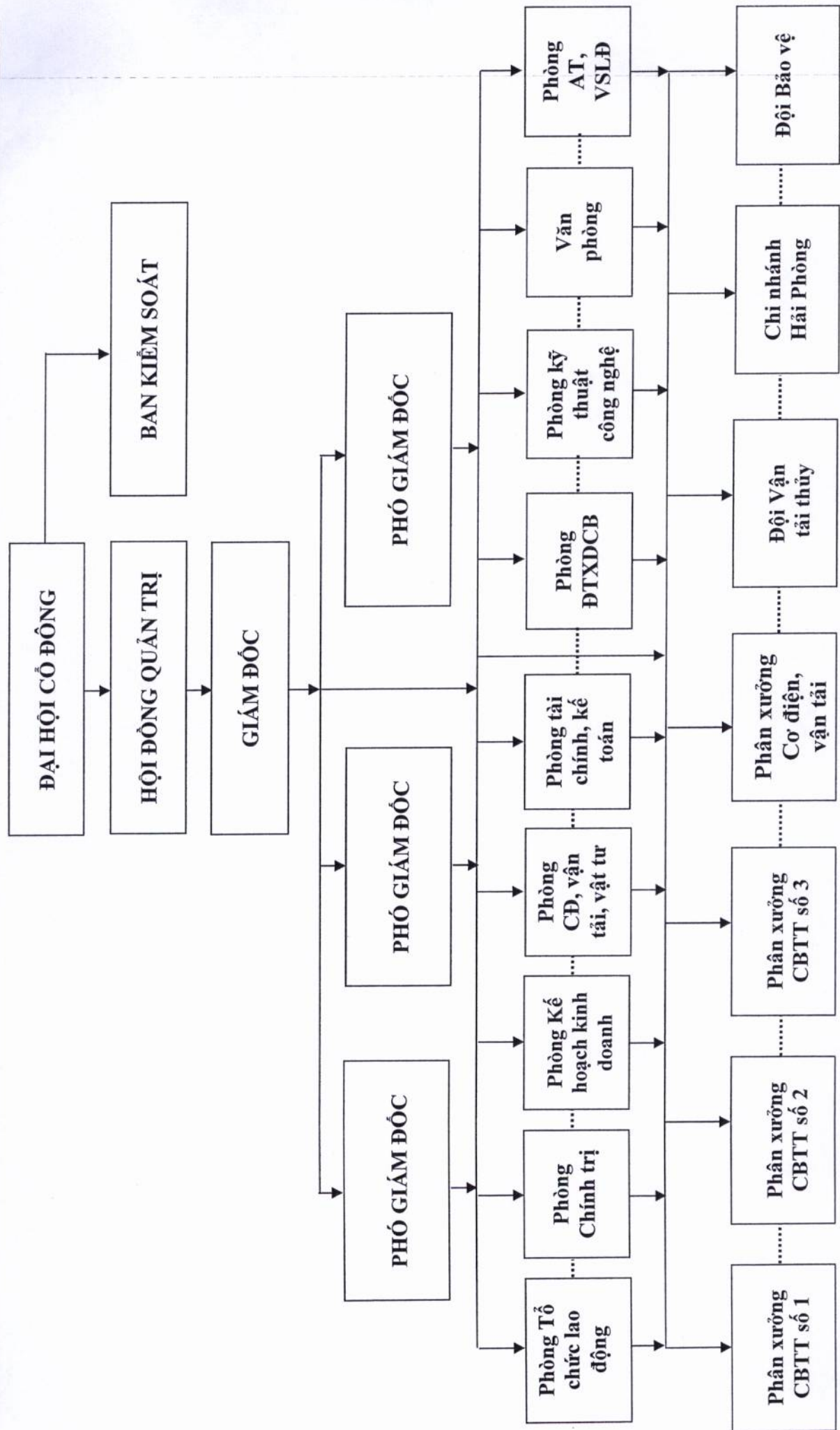
Công ty cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc là Công ty con, hạch toán độc lập thuộc Tổng công ty Đông Bắc. Trải qua quá trình hoạt động, Công ty luôn hoàn thành tốt đồng thời hai nhiệm vụ là sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ quân sự quốc phòng theo chỉ lệnh của cấp trên.

1.4 Quá trình tăng vốn

Kể từ khi hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 04/04/2018 đến nay, Công ty chưa thực hiện tăng vốn lần nào và hoạt động ổn định với mức vốn điều lệ là 51.000.000.000 đồng.

2. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT



(Nguồn: CTCP VT & CBT Đông Bắc)

Diễn giải sơ đồ

Hiện nay Công ty cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014. Cơ sở hoạt động quản trị và điều hành Công ty cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc là Điều lệ Công ty. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc bao gồm:

❖ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, quyết định sửa đổi bổ sung Điều lệ của Công ty cổ phần; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty cổ phần và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.

❖ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty giữa 02 kỳ đại hội, bao gồm 03 thành viên. Trong đó có 01 chủ tịch và 02 Ủy viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Cụ thể: Chịu trách nhiệm triệu tập ĐHĐCĐ; Trình ĐHĐCĐ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, dự kiến phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức; Xem xét các phương án sản xuất kinh doanh, huy động vốn; Quyết định cơ cấu, tổ chức bộ máy...

❖ Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn theo thể thức biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát gồm 03 thành viên có nhiệm vụ kiểm soát các hoạt động quản trị, điều hành, kinh doanh và tài chính của Công ty; Tiến hành giám sát theo Điều lệ công ty đối với HĐQT, Giám đốc trong quá trình thi hành nhiệm vụ; Có quyền tìm hiểu số liệu, tài liệu và các thuyết minh có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Báo cáo trước ĐHĐCĐ về những sự kiện tài chính bất thường xảy ra trong Công ty; Yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết....

❖ Ban Giám đốc

Ban Giám đốc bao gồm 1 Giám đốc và 3 Phó Giám đốc. Trong đó, Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ Giám đốc điều

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Giám đốc có nhiệm vụ: Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ Pháp luật...

❖ Các Phòng chức năng

✚ **Phòng Kế hoạch kinh doanh:** Tham mưu giúp việc cho Giám đốc công ty hoạt động trên các lĩnh vực Xây dựng kế hoạch, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện về: Công tác xây dựng kế hoạch SXKD; Công tác điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh, Công tác điều độ sản xuất và chuẩn bị chân hàng; Công tác kiểm soát chi phí giá thành; Công tác thuê ngoài; Công tác quản lý giá thành, mua than, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm từ than; Công tác kinh doanh vận tải hàng hóa. Hàng quý và hàng tháng; thực hiện công tác thống kê, theo dõi, hướng dẫn công tác sản xuất; quản lý theo dõi hợp đồng kinh tế.

✚ **Phòng Tài chính, kế toán:** Chức năng chủ yếu là quản lý vốn và tài sản, hạch toán sản xuất kinh doanh, kiểm tra tài chính kế toán; lập kế hoạch tài chính; cân đối các khoản thu, chi; đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn vốn và tài sản tham gia trong sản xuất kinh doanh; xây dựng quy chế về quản lý tài chính; Kiểm tra giám sát việc thực hiện chế độ kế toán của Nhà nước và quy chế quản lý tài chính của Công ty; tổ chức kiểm kê tài sản theo quy định; báo cáo tài chính hàng năm theo quy định.

✚ **Phòng Tổ chức Lao động:** Thực hiện công tác quản lý lao động, tiền lương; công tác chính sách đối với người lao động; công tác tổ chức biên chế, chức danh; công tác đào tạo; công tác quân số. Xây dựng đề án phương án quy hoạch đội ngũ cán bộ, công nhân viên kỹ thuật và người lao động.

✚ **Văn phòng:** Thực hiện nhiệm vụ công tác đối ngoại, lễ tân hành chính, duy trì nề nếp chính quy cơ quan, văn thư lưu trữ, quản lý trụ sở, thiết bị văn phòng, hậu cần, quân y, bảo vệ, quản lý, điều hành xe con phục vụ Công ty.

✚ **Phòng Chính trị:** Thực hiện các hoạt động công tác đảng, công tác chính trị. Giáo dục, thi đua, khen thưởng, kỷ luật, tuyên truyền cổ động; công tác tổ chức xây dựng đảng, xây dựng các tổ chức quần chúng.

✚ **Phòng An toàn, vệ sinh lao động:** Thực hiện công tác hướng dẫn, xây dựng kế hoạch BHLĐ; kế hoạch PCCC; công tác kiểm tra, giám sát AT-VSLĐ, công tác phòng chống cháy nổ, tham gia cùng các cơ quan có liên quan thực hiện công tác khắc phục sự cố và công tác sơ cấp cứu.

✚ **Phòng Kỹ thuật công nghệ:** Thực hiện công tác xây dựng kế hoạch, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện về: Công tác quy hoạch đầu tư phát triển sản xuất của Công ty; Công tác nghiên cứu khoa học ứng dụng công nghệ mới vào quá trình sản xuất kinh doanh và công tác môi trường, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; Công tác trắc địa và quản lý ranh giới mỏ.

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

✚ **Phòng Đầu tư xây dựng cơ bản:** Thực hiện công tác ĐT-XD trong Công ty tuân thủ đúng pháp luật hiện hành của Nhà nước về đầu tư xây dựng, các quy định về công tác quản lý đầu tư xây dựng của cơ quan cấp trên và Quy chế, quy định quản lý đầu tư xây dựng của Công ty; Chủ trì theo dõi, thẩm định tham gia đấu thầu các dự án công trình; quản lý các dự án của Công ty.

✚ **Phòng Cơ điện, vận tải, vật tư:** Thực hiện công tác xây dựng kế hoạch, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện về: Công tác cơ điện, vận tải, vật tư, nhiên liệu phục vụ sản xuất kinh doanh; công tác quản lý, khai thác sử dụng trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh, hệ thống cung ứng và sử dụng điện năng; công tác cấp phát và sử dụng vật tư theo định mức kinh tế kỹ thuật đã được phê duyệt và quản lý chất lượng trang bị kỹ thuật phục vụ sản xuất; Công tác thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu.

❖ **Các Phân xưởng, đội sản xuất**

✚ **Phân xưởng số 1, số 2, số 3:** Thực hiện công tác quản lý về số lượng, chất lượng than nhập từ các đơn vị khai thác trong nội bộ Tổng công ty Đông Bắc và than nhập khẩu về chế biến, tiêu thụ. Quản lý công tác chế biến than, xuất hàng, Quản lý các trang thiết bị được biên chế, thực hiện theo kế hoạch của Công ty. quản lý quân số của phân xưởng; Tổ chức phân công thực hiện nhiệm vụ theo chức trách nhiệm vụ được giao.

✚ **Phân xưởng Cơ điện, vận tải:** Thực hiện công tác quản lý bảo quản và sử dụng trang thiết bị ô tô, xe máy, trang thiết bị nhà xưởng; tổ chức phân công thực hiện nhiệm vụ bốc xúc, vận chuyển, gia công cơ khí, sửa chữa bảo dưỡng trang thiết bị được giao và các trang thiết bị của các Phân xưởng trong Công ty; Quản lý điện, nước; Quản lý quân số của phân xưởng; Tổ chức phân công thực hiện nhiệm vụ theo chức trách nhiệm vụ được giao.

✚ **Đội Vận tải thủy:** Thực hiện công tác quản lý bảo quản, sử dụng trang thiết bị phương tiện vận tải thủy và điều hành công tác vận tải thủy; Tổ chức phân công thực hiện nhiệm vụ vận tải, bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị được giao theo chỉ đạo của Giám đốc Công ty; Quản lý quân số của Đội; Tổ chức phân công thực hiện nhiệm vụ theo chức trách nhiệm vụ được giao.

✚ **Đội Bảo vệ:** Thực hiện quản lý bảo vệ tài sản, an ninh trật tự trong đơn vị và trên địa bàn đơn vị đóng quân và phân công, điều hành công tác bảo vệ an ninh; Quản lý quân số của Đội; Tổ chức phân công thực hiện nhiệm vụ được giao theo chức trách nhiệm vụ được giao.

❖ **Chi nhánh của Công ty, đơn vị hạch toán phụ thuộc**

Đây là các đầu mối tổ chức sản xuất của Công ty tại các địa phương. Thẩm quyền quyết định thành lập căn cứ theo quy định ghi trong điều lệ Công ty cổ phần và pháp luật liên quan.

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

Chi nhánh Hải Phòng hoạt động dưới hình thức chi nhánh của Công ty mẹ, là đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ, được Công ty cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc giao quản lý, đầu tư các nguồn lực để thực hiện chức năng: Nhận than của các đoàn phương tiện vận chuyển từ các khu vực cảng bên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh về các nhà máy để giao than theo ủy quyền của Tổng công ty Đông Bắc, thực hiện các hợp đồng do Tổng công ty ký kết với các Hộ khách hàng. Ngoài ra, Chi nhánh còn thực hiện nhiệm vụ tiêu thụ than hộ lẻ cho khách hàng có nhu cầu thuộc địa bàn thành phố Hải Phòng và các vùng lân cận

Địa chỉ: Xóm 8, Xã Tam Hưng, Huyện Thủy Nguyên, Thành Phố Hải Phòng

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông:

3.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 10/07/2018:

Bảng 1: Cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Stt	Tên cổ đông	Giấy CN ĐKKD/CMT	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Công ty Đông Bắc	5700101468	Tổ 3, khu 8, phường Hồng Hải, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	2.601.000	51%
2	Công ty TNHH Phương Sơn	0800284946	Khu đô thị mới Việt Mỹ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	308.900	6,06%
3	Công ty cổ phần Công nghiệp Tàu thủy Đông Bắc	5700780594	Cảng km 6, tổ 14, khu 1, phường Quang Hanh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	510.000	10%
Tổng cộng				3.419.900	67,06

(Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 10/07/2018 của CTCP VT & CB Than Đông Bắc)

3.2 Danh sách cổ đông sáng lập

Công ty cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoạt động theo hình thức công ty cổ phần lần đầu ngày 04/04/2018 (chuyển đổi từ công ty nhà nước sang công ty cổ phần). Công ty không đăng ký cổ đông sáng lập.

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

3.2 Cơ cấu cổ đông tại ngày 10/07/2018

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông của Công ty

Stt	Cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
I	Trong nước	520	5.100.000	100
1	Tổ chức	03	3.419.900	67,06%
2	Cá nhân	517	1.680.100	32,94%
II	Nước ngoài	0	0	0
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng cộng		520	5.100.000	100

(Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 10/07/2018 của CTCP VT & CB Than Đông Bắc)

4. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của công ty, những Công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty:

4.1 Đơn vị nắm cổ phần chi phối đối với Công ty.

Tổng Công ty Đông Bắc

- Địa chỉ: Tổ 3, khu 8, phường Hồng Hải, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
- Điện thoại: (0203) 3836336 Fax: (0203) 3835773
- Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tại Công ty: 51% vốn thực góp
- Giấy CN ĐKKD: Số 5700101468 (chuyển từ số 2206000013) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 10/05/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 29/09/2017.
- Vốn điều lệ: 1.400.000.000.000 đồng
- Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác và kinh doanh than

4.2 Công ty con: Không có

4.3 Công ty liên kết: Không có

5. Hoạt động kinh doanh

5.1 Các hoạt động kinh doanh chủ yếu

✦ Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu của Công ty

- **Tiếp nhận, chế biến và tiêu thụ than:** Công ty tổ chức tiếp nhận than trong nội bộ Tổng công ty Đông Bắc sản xuất. Đối với nguồn than nguyên khai sau khi tiếp nhận đơn vị tổ chức sàng tuyển chế biến và vận chuyển về khu vực Cụm cảng Km6 để tập kết cùng với nguồn than sạch thành phẩm nhập từ các đơn vị nội bộ và nguồn than

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

nhập khẩu nhập về kho. Công ty sẽ tổ chức pha trộn đảm bảo các chỉ tiêu chất lượng theo hợp đồng đã ký kết với các hộ khách hàng, sau đó sẽ tiến hành xuất than xuống các đoàn phương tiện, vận chuyển than giao cho các Nhà máy nhiệt điện, các nhà máy Xi măng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh và các tỉnh lân cận Hải Dương, Hải Phòng...

- **Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa:** Từ hệ thống cảng bến, sau khi nhận đủ hàng, các đoàn phương tiện của Công ty sẽ vận tải giao than vào các nhà máy nhiệt điện Hải Phòng, nhiệt điện Phả Lại, xi măng ChinFon. Ngoài ra công tác vận tải thủy còn thực hiện việc chuyên tải xuất, nhập khẩu than theo kế hoạch của đơn vị, góp phần quan trọng vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của đơn vị và trực tiếp đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

± Sản lượng sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty

Bảng 3: Sản lượng sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty

Stt	Sản lượng	Đơn vị	Năm 2016	Giai đoạn từ 01/01/2017 đến 04/04/2018
1	Sản lượng tiêu thụ than	Tấn	2.349.613,34	2.772.965,97
2	Kinh doanh vận tải thủy	Tấn	4.065.781,7	4.002.129,02

(Nguồn: CTCP TNHH MTV VT & CB Than Đông Bắc)

5.2 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty

DVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016		Giai đoạn từ 01/01/2017 đến 04/04/2018	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
DTT từ bán than	3.437.399.231.944	93,69	4.139.984.217.339	93,64
DTT từ vận tải thủy	231.369.641.536	6,31	281.313.155.786	6,36
Tổng cộng	3.668.768.873.480	100	4.421.297.373.125	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2016 và BCTC kiểm toán cho giai đoạn từ 01/01/2017 - 04/04/2018 của Công ty TNHH MTV VT & CB Than Đông Bắc)

Bảng 5: Cơ cấu lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty

DVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016		Giai đoạn từ 01/01/2017 đến 04/04/2018	
	Giá trị	Tỷ trọng/	Giá trị	Tỷ trọng/

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

		DTT (%)		DTT (%)
LN gộp từ bán than	101.170.525.252	2,76	147.656.613.380	3,34
LN gộp từ vận tải thủy	52.245.937.754	1,42	91.655.855.000	2,07
Tổng cộng	153.416.463.006	4,18	239.312.468.380	5,41

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2016 và BCTC kiểm toán cho giai đoạn từ 01/01/2017 - 04/04/2018 của Công ty TNHH MTV VT & CB Than Đông Bắc)

6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2016 đến 04/04/2018.

Bảng 6: Kết quả hoạt động kinh doanh từ năm 2016 đến 04/04/2018 của Công ty

ĐVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2016	Giai đoạn từ 01/01/2017 đến 04/04/2018	% tăng/giảm
1	Tổng tài sản	765.985.887.114	409.782.295.547	-
2	Vốn chủ sở hữu	30.000.000.000	51.409.531.191	-
3	Doanh thu thuần	3.668.768.873.480	4.421.297.373.125	-
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	19.953.331.639	27.274.262.215	-
5	Lợi nhuận khác	(462.417.421)	27.327.899	-
6	Lợi nhuận trước thuế	19.490.914.218	27.301.590.114	-
7	Lợi nhuận sau thuế	15.569.127.509	21.825.752.341	-
8	Giá trị sổ sách	-	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2016 và BCTC kiểm toán cho giai đoạn từ 01/01/2017 - 04/04/2018 của Công ty TNHH MTV VT & CB Than Đông Bắc)

Ghi chú:

- Năm 2016 đến 04/04/2018 Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH 100% vốn nhà nước nên chỉ tiêu Giá trị sổ sách không tính toán.
- Do thời gian hoạt động của năm 2016 và giai đoạn từ 01/01/2017 - 04/04/2018 không đồng nhất nên không tính mức độ tăng/giảm của các chỉ tiêu qua các năm.
- BCTC kiểm toán từ năm 2016 đến 04/04/2018 của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Đến thời điểm hiện tại, cơ quan thuế vẫn chưa tiến hành kiểm tra BCTC của Công ty. Do đó số liệu trên có thể sẽ bị điều chỉnh theo quyết định của cơ quan thuế.

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã đưa ra **Vấn đề cần nhấn mạnh** và **Vấn đề khác** trong BCTC kiểm toán cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 04/04/2018 của Công ty TNHH MTV Vận tải và Chế biến than Đông Bắc như sau:

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 5.3 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính về việc Công ty đang ghi nhận chi phí cổ phần hóa với số tiền là 1.207.630.750 đồng. Báo cáo tài chính chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến kết quả phê duyệt chi phí cổ phần hóa của cơ quan có thẩm quyền.

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.2 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó trình bày việc trong giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 04/04/2018, Công ty có Nợ ngắn hạn tại thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ lần lượt là 620.512.539.468 đồng và 327.297.876.956 đồng, trong khi đó tài sản ngắn hạn đầu kỳ và cuối kỳ lần lượt là 553.138.994.179 đồng và 195.786.220.549 đồng. Theo hướng dẫn của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, đây là dấu hiệu cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vào ngày lập báo cáo này, không có lý do nào để Ban Giám đốc Công ty tin rằng chủ sở hữu sẽ không tiếp tục tài trợ cho hoạt động của Công ty trong tương lai. Do vậy, báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 04/04/2018 được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Vận tải và Chế biến than Đông Bắc cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác với báo cáo kiểm toán độc lập được phát hành vào ngày 08/03/2017 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

❖ Vị thế của công ty trong ngành

Công ty cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc là công ty con của Tổng Công ty Đông Bắc, hoạt động trong lĩnh vực khai thác và kinh doanh than. Hiện tại, có 17 Công ty thành viên; 02 Trung tâm; 02 Lữ đoàn DBĐV; 01 Chi nhánh; 01 Ban quản lý Dự án; 01 Đội trực thuộc trực thuộc Tổng Công ty Đông Bắc. Địa bàn hoạt động của Tổng Công ty Đông Bắc trải khắp các tỉnh, thành trong cả nước, chủ yếu là những địa bàn trọng điểm, chiến lược góp phần phát triển kinh tế xã hội đất nước và củng cố quốc phòng an ninh. Có thể thấy Công ty có ưu thế lớn khi được sự hỗ trợ từ phía Tổng Công ty Đông Bắc, Công ty đã tận dụng được nguồn nguyên liệu cũng như nguồn nhân lực tại chỗ, giảm đáng kể chi phí vận chuyển, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Trong suốt 23 năm

hoạt động, Công ty đã đạt được nhiều tiến bộ vượt bậc và đóng góp vào sự phát triển chung của ngành than Việt Nam.

Những thành tựu trên đạt được là do Công ty đã không ngừng cải tiến trong cơ cấu tổ chức, quản lý trước những thách thức mới. Cụ thể, Ban lãnh đạo Công ty đã ban hành các quy chế, nội quy là cơ sở pháp lý cho các hoạt động kinh doanh và văn hóa làm việc trong Công ty. Công ty luôn chú trọng đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động phát huy tính sáng tạo, chủ động trong công việc cũng như nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Chính sách đó tạo nên một văn hóa doanh nghiệp lành mạnh khuyến khích cán bộ nhân viên nỗ lực làm việc.

❖ Triển vọng phát triển của ngành

⚡ Than thế giới

Than được coi là nguồn năng lượng truyền thống và cơ bản, phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng trên thế giới. Trước đây, than được dùng làm nhiên liệu trong các máy hơi nước, đầu máy xe lửa; sau đó, than được dùng làm nhiên liệu trong các nhà máy nhiệt điện, than được cốc hóa để làm nhiên liệu cho ngành luyện kim.

Công nghiệp khai thác than xuất hiện tương đối sớm và được phát triển từ nửa sau thế kỷ XIX. Sản lượng than khai thác được rất khác nhau giữa các thời kì, giữa các khu vực và các quốc gia, song nhìn chung, có xu hướng tăng lên về số lượng tuyệt đối. Trong vòng 50 năm qua, tốc độ tăng trung bình là 5.4%/năm, còn cao nhất vào thời kì 1950 - 1980 đạt 7%/năm. Từ đầu thập kỉ 90 đến nay, mức tăng giảm xuống chỉ còn 1.5%/năm.

Hàng năm có khoảng trên 4 triệu tấn than được khai thác, con số này đã tăng 38% trong vòng 20 năm qua. Sản lượng khai thác tăng nhanh nhất ở Châu Á, trong khi đó Châu Âu khai thác với tốc độ chậm dần.

Các nước khai thác nhiều nhất gồm: Trung Quốc, Mỹ, Ấn Độ, Úc và Nam Phi. Hầu hết các nước khai thác than cho nhu cầu tiêu dùng nội địa, chỉ có khoảng 18% than cứng dành cho thị trường xuất khẩu. Lượng than khai thác được dự báo tới năm 2030 vào khoảng 7 tỷ tấn, với Trung Quốc chiếm khoảng hơn một nửa sản lượng.

Thị trường than lớn nhất là châu Á, chiếm khoảng 54% lượng tiêu thụ toàn thế giới, trong đó nhu cầu chủ yếu đến từ Trung Quốc. Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Đài Loan và Hàn Quốc là những nước nhập khẩu than lớn nhất thế giới.

Sau hơn 5 năm khủng hoảng, bắt đầu từ năm 2011, giá than thế giới liên tục giảm giá và trở thành mặt hàng ít được chú ý nhất trên thị trường. Tính đến đầu năm 2016, giá than thế giới đã giảm tới 75%, giao động quanh mức 50-58 USD/ tấn. Nguyên nhân được cho là do nguồn cung vẫn dồi dào trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ than thế giới suy giảm, đặc biệt từ hai nước tiêu thụ than lớn nhất thế giới là Trung Quốc và Ấn Độ.

Tuy nhiên, kể từ giữa năm 2016, dưới tác động của nhiều yếu tố, giá than thế giới đã ghi nhận sự phục hồi đáng kể. Dữ liệu từ Trading Economics cho biết, giá than thế giới đã tăng đột biến trong những tháng cuối năm 2016, giá than cám tăng từ mức đáy 50 USD/ tấn, có lúc lên đến 110 USD/ tấn, và hiện tại đang giao động quanh mức 70-80 USD/ tấn

✦ *Than Việt Nam*

Ngành Than là ngành kinh tế chủ lực quan trọng của Việt Nam, bảo đảm nhiên liệu cho sản xuất công nghiệp quan trọng như sản xuất điện, thép, xi măng, phân bón...; thu hút lượng lớn lao động và đem lại nguồn lợi nhuận không nhỏ cho đất nước.

Trữ lượng than của Việt Nam khá lớn. Theo số liệu của tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam công bố, tổng trữ lượng than của Việt Nam trên 220 tỷ tấn. Tuy nhiên, do một số trữ lượng than nằm ở dưới sâu lòng đất, một số nằm rải trong vùng đất nông nghiệp và dân cư, cộng với tỷ lệ than thất thoát lớn trong quá trình khai thác, phần trữ lượng than có thể khai thác không nhiều.

Giai đoạn 2011 - 2016, lượng than tiêu thụ ở Việt Nam tăng rất nhanh, tốc độ tăng bình quân là 14.74%/năm. Năm 2011 lượng than tiêu thụ đạt 30.5 triệu tấn; năm 2012 tăng lên 31 triệu tấn; năm 2013 tăng lên 31.3 triệu tấn; năm 2014 là 34.5 triệu tấn; năm 2015 là 40 triệu tấn; năm 2016 đạt 48 triệu tấn.

Trong năm 2017, tình hình tiêu thụ than bắt đầu có tín hiệu tốt từ tháng 3. Tổng số than tiêu thụ trong quý I đạt 8,6 triệu tấn, bằng 24% kế hoạch, bằng 103% so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó, than tiêu thụ trong nước đạt 8,4 triệu tấn, xuất khẩu đạt 185 ngàn tấn. Doanh thu từ than đạt gần 13 ngàn tỷ đồng. Trong những ngày đầu tháng 4, bình quân mỗi ngày Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam tiêu thụ được từ 100.000 - 120.000 tấn.

Trong thời gian tới, Tập đoàn vẫn tập trung chỉ đạo điều hành sản xuất theo nhu cầu thị trường, đầu tư hợp lý phát triển bền vững các ngành nghề than, khoáng sản, điện lực; Tiếp tục hoàn thiện tái cơ cấu, trọng tâm là tái cơ cấu kỹ thuật, đổi mới công nghệ; Hoàn thiện tổ chức, cơ chế quản lý, tinh giản lao động để tăng năng suất, giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm ...

✦ *Quy hoạch ngành than Việt Nam*

Ngành than được định hướng ưu tiên đáp ứng nhu cầu trong nước; giảm dần xuất khẩu và chỉ xuất khẩu các chủng loại than trong nước chưa có nhu cầu sử dụng... Ngày 31/8/2016, Bộ Công Thương đã công bố điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2020, có xét triển vọng đến năm 2030 với các nội dung:

- Nhu cầu vốn đầu tư cho ngành than bình quân khoảng 17,930 tỷ đồng/năm; trong đó, giai đoạn đến năm 2020 là khoảng hơn 95,000 tỷ đồng; giai đoạn 2021-2030 hơn

172,000 tỷ đồng. Nguồn vốn này chủ yếu tập trung cho đầu tư mới và cải tạo mở rộng các khu mỏ, đầu tư công nghệ thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng than tiên tiến...

- Về khai thác than, sản lượng than thương phẩm sản xuất toàn ngành than trong các giai đoạn của quy hoạch khoảng 41-44 triệu tấn vào năm 2016; 47-50 triệu tấn vào năm 2020; 51-54 triệu tấn vào năm 2025 và 55-57 triệu tấn vào năm 2030.

Ngành than phải giảm tỷ lệ tổn thất than khai thác bằng phương pháp hầm lò xuống khoảng 20% vào năm 2020 và dưới 20% sau năm 2020; tỷ lệ tổn thất than khai thác bằng phương pháp lộ thiên xuống khoảng 5% vào năm 2020 và dưới 5% sau năm 2020.

❖ Đánh giá chung về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

Công ty cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc hoạt động với mục tiêu phấn đấu không ngừng về mọi mặt, có uy tín trong lĩnh vực chế biến và kinh doanh than trong khu vực và cả nước. Việc chuyển đổi từ một Doanh nghiệp Nhà nước sang loại hình Công ty cổ phần năng động, hướng tới công ty đại chúng và tham gia trên TTCK là phù hợp với xu thế phát triển của Việt Nam và quốc tế. Điều này sẽ góp phần đưa hình ảnh của Công ty rộng rãi ra công chúng, mở rộng thương hiệu, nâng cao năng lực kinh doanh và quản trị doanh nghiệp.

Ngành than là một ngành quan trọng trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Đóng góp vào công cuộc phát triển chung đây, Công ty cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc không ngừng đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp than cho khu vực Miền Bắc, thể hiện qua số liệu than thu mua, than tiêu thụ và giá trị sản xuất tăng đều qua các năm.

Với tầm nhìn xa trong hoạt động kinh doanh, định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng của Ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1 Số lượng người lao động trong Công ty

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, tác phong phục vụ chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.

Tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2018, số lượng cán bộ nhân viên, công nhân của Công ty là 522 người được phân loại như sau:

Bảng 7: Cơ cấu lao động tại ngày 30/6/2018

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
----------	----------	-------

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

	(người)	(%)
Phân theo trình độ chuyên môn	522	100
- Trình độ Đại học, trên Đại học	89	17,05
- Trình độ Cao đẳng, Trung cấp	56	10,73
- Trình độ khác (tốt nghiệp phổ thông)	361	69,16
- Chưa qua đào tạo	16	3,06
Phân theo thời hạn hợp đồng lao động	522	100
- Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ (Sỹ quan; Quân nhân chuyên nghiệp)	113	21,65
- Lao động hợp đồng dài hạn (không xác định thời hạn)	321	61,49
- Lao động có xác định thời hạn từ 12 đến 36 tháng	88	16,86
Phân theo giới tính	522	100
- Nam	451	86,40
- Nữ	71	13,60

(Nguồn: CTCP VT & CB Than Đông Bắc)

8.2 Chính sách đối với người lao động:

❖ Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: Người lao động đang làm việc tại Công ty thực hiện theo chế độ làm việc không quá 08 giờ trong 01 ngày và 48 giờ trong 01 tuần, theo chức năng nhiệm vụ được phân công. Thời gian làm việc của các mùa được thống nhất quy định như sau:

+ Đối với bộ phận văn phòng: Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ.

+ Đối với các bộ phận sản xuất theo ca: Ca 1: từ 6h - 14h; Ca 2: từ 14h - 22h; Ca 3: từ 22h - 6h sáng hôm sau.

Người làm ca trước phải có trách nhiệm bàn giao đầy đủ, cụ thể công việc cho người ca sau. Người sử dụng lao động hoặc người được ủy quyền sử dụng lao động có trách nhiệm bố trí thời gian làm ca phù hợp với từng đối tượng lao động và nhiệm vụ được giao ở đơn vị. Trong trường hợp do nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty, đột xuất có thể bố trí lệch giờ so với quy định nêu trên nhưng phải có sự thỏa thuận giữa người sử dụng lao động hoặc người được ủy quyền với người lao động và không trái với các quy định của Bộ luật Lao động.

- Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: Nhân viên được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Bộ Luật Lao

động. Những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày hoặc 14 ngày mỗi năm tùy ngành nghề, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc và được cộng thêm ngày nghỉ phép cứ 05 năm được cộng thêm 01 ngày phép.

- Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên Công ty khi nghỉ ốm sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động. Trong thời gian nghỉ thai sản (06 tháng) người lao động sẽ được nhận trợ cấp thai sản tương đương 06 tháng tiền lương do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả.
- Điều kiện làm việc: Công ty bố trí văn phòng làm việc cho cán bộ nhân viên khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động. Các nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt trong toàn Công ty.

❖ Chính sách lương

Công ty áp dụng thang bảng lương tiên tiến phù hợp với đặc thù sản xuất kinh doanh của Công ty, người lao động được nhận tiền lương, tiền thưởng... căn cứ vào hợp đồng lao động, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty và kết quả công việc cụ thể của từng người theo Quy chế tiền lương của Công ty. Hàng năm Công ty điều chỉnh tăng quỹ tiền lương cho toàn bộ cán bộ công nhân viên, lao động nhằm đảm bảo nguồn thu nhập của cán bộ công nhân viên, qua đó việc làm và đời sống của CBCNV, lao động luôn được ổn định và ngày càng được cải thiện, tạo sự gắn kết lâu dài của CBCNV với Công ty và thu hút các lao động có trình độ cao.

Mức thu nhập bình quân năm 2016 của CBCNV trong Công ty là 12.739.000 đồng/người/tháng, năm 2017 của CBCNV trong Công ty là 13.055.000 đồng/người/tháng, tăng 2,5% so với năm 2016.

❖ Chế độ phúc lợi xã hội

Công ty luôn cam kết và đảm bảo quyền lợi nghĩa vụ cán bộ công nhân viên theo đúng chính sách chế độ quy định, Công ty thực hiện các chế độ cho người lao động theo Luật lao động, Luật bảo hiểm xã hội, nội quy lao động và thỏa ước lao động tập thể. Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định. Ngoài ra, hàng năm Công ty có tổ chức tham quan nghỉ mát và tặng thưởng nhân dịp lễ của đất nước, Tết nguyên đán thưởng tháng lương thứ 13. Đối với cá nhân hoàn thành tốt, xuất sắc công việc công ty cũng có khen thưởng động viên.

❖ Chính sách đào tạo và tuyển dụng

Công ty tiến hành tuyển dụng công khai nhân viên theo quy chế của Công ty đề ra. Ứng với từng vị trí tuyển dụng đều phải có yêu cầu cụ thể, rõ ràng và đều trải qua các

bước sơ tuyển như xét duyệt hồ sơ, phỏng vấn, thử việc.

9. Chính sách cổ tức

Công ty mới đi vào hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 04/04/2018, trước đó Công ty hoạt động dưới mô hình Công ty TNHH MTV với tỷ lệ sở hữu Nhà nước là 100%. Do vậy, các năm trước đây Công ty không thực hiện chi trả cổ tức.

Hiện nay Công ty hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần, Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng Cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Quản trị, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tiếp theo. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Khi cổ tức được chi trả theo quy định, Công ty vẫn phải đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ khác khi đến hạn.

10. Tình hình tài chính

10.1 Các chỉ tiêu cơ bản

❖ *Trích khấu hao tài sản cố định*

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 37
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 11
Thiết bị văn phòng	03 - 11
TSCĐ khác	03 - 08

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Năm
Phần mềm máy vi tính	06

❖ *Thanh toán các khoản nợ đến hạn*

Công ty hiện nay không có khoản nợ quá hạn nào, các khoản nợ phải trả ngắn và trung hạn đều được Công ty thanh toán đúng hạn.

❖ *Các khoản phải nộp theo luật định*

Công ty luôn thanh toán đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp khác theo đúng quy định của Nhà nước.

❖ *Trích lập các quỹ theo luật định*

Theo Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng quỹ hàng năm do ĐHCĐ của

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

Công ty quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và theo pháp luật hiện hành. Số dư các quỹ qua các năm:

Bảng 8: Các quỹ theo luật định

ĐVT: Đồng

Khoản mục	31/12/2016	04/04/2018
Quỹ đầu tư phát triển	-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	21.679.866.107	8.678.705.991
Tổng cộng	21.679.866.107	8.678.705.991

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2016 và BCTC kiểm toán cho giai đoạn từ 01/01/2017 - 04/04/2018 của Công ty TNHH MTV VT & CB Than Đông Bắc)

❖ Tổng dư nợ vay

Bảng 9: Tình hình dư nợ vay và nợ thuê tài chính

ĐVT: Đồng

Khoản mục	31/12/2016	04/04/2018
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	24.111.587.952	15.925.853.632
a. Vay ngắn hạn	24.111.587.952	15.925.853.632
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>24.111.587.952</i>	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thái Nguyên	20.452.877.311	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Quảng Ninh	3.658.710.641	-
<i>Vay dài hạn có kỳ hạn dưới 12 tháng</i>	-	<i>15.925.853.632</i>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	7.144.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội	-	3.781.853.632
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Cẩm Phả	-	5.000.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	114.175.254.769	31.074.887.400
a. Vay dài hạn	114.175.254.769	31.074.887.400
<i>Kỳ hạn từ 01 đến 05 năm</i>	<i>114.175.254.769</i>	<i>31.074.887.400</i>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	23.073.985.500	11.589.000.000

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

Khoản mục	31/12/2016	04/04/2018
Nam (i)		
- Ngân hàng TMCP Quân đội (ii)	23.539.397.732	3.485.887.400
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Cẩm Phả (iii)	67.561.871.537	16.000.000.000
Tổng cộng	138.286.842.721	47.000.741.032

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2016 và BCTC kiểm toán cho giai đoạn từ 01/01/2017 - 04/04/2018 của Công ty TNHH MTV VT & CB Than Đông Bắc)

(i) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo hợp đồng vay số 00302/2015/0001723 ngày 23/09/2015 hạn mức 25.000.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng. Mục đích để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư duy trì phục vụ sản xuất.

(ii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Quảng Ninh theo hợp đồng vay số 61.12.602.586568.TD ngày 14/11/2012 hạn mức 20.000.000.000 đồng, mục đích sử dụng thanh toán tiền đóng mới sà lan và tàu đẩy 300CV.

(iii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Cẩm Phả theo hợp đồng vay số 01/2015/4883434/HĐTD ngày 10/02/2015 hạn mức 38.000.000.000 đồng, thời hạn vay 72 tháng. Mục đích vay để đầu tư đóng mới và mua sắm phương tiện vận tải thủy.

❖ **Các khoản phải thu**

Bảng 10: Các khoản phải thu

DVT: Đồng

Các khoản phải thu	31/12/2016	04/04/2018
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	14.978.337.310	7.403.925.361
Các khoản phải thu khác	-	1.207.630.750
Tổng cộng	14.978.337.310	8.611.556.111

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2016 và BCTC kiểm toán cho giai đoạn từ 01/01/2017 - 04/04/2018 của Công ty TNHH MTV VT & CB Than Đông Bắc)

❖ **Các khoản phải trả**

Bảng 11: Các khoản phải trả

DVT: Đồng

Các khoản phải trả	31/12/2016	04/04/2018
--------------------	------------	------------

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

Nợ ngắn hạn	620.512.539.468	327.297.876.956
Phải trả người bán ngắn hạn	34.403.004.778	25.839.287.650
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.582.603.560	39.405.718
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	927.535.305	1.898.263.753
Phải trả người lao động	16.185.576.962	14.051.427.165
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	109.223.129
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	521.622.364.804	260.755.709.918
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	24.111.587.952	15.925.853.632
Quỹ khen thưởng phúc lợi	21.679.866.107	8.678.705.991
Nợ dài hạn	31.074.887.400	114.175.254.769
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	31.074.887.400	114.175.254.769
Tổng cộng	734.687.794.237	358.372.764.356

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2016 và BCTC kiểm toán cho giai đoạn từ 01/01/2017 - 04/04/2018 của Công ty TNHH MTV VT & CB Than Đông Bắc)

❖ Hàng tồn kho

Bảng 12: Hàng tồn kho

DVT: Đồng

Hàng tồn kho	31/12/2016	04/04/2018
Nguyên liệu, vật liệu	4.706.651.117	4.976.450.056
Công cụ, dụng cụ	42.727.500	54.422.350
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	35.330.690.700	5.154.751.518
Thành phẩm	482.345.520.433	147.306.676.427
Tổng cộng	522.425.589.750	157.492.300.351

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2016 và BCTC kiểm toán cho giai đoạn từ 01/01/2017 - 04/04/2018 của Công ty TNHH MTV VT & CB Than Đông Bắc)

10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 13: Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Giai đoạn từ 01/01/2017 đến 04/04/2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,89	0,59
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,05	0,12
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	95,91	87,45
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	2.448,95	697,09
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	7,99	12,30
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	5,35	7,52
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,42	0,49
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	51,89	53,62
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,27	3,71
Tỷ số lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,54	0,62

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2016 và BCTC kiểm toán cho giai đoạn từ 01/01/2017 - 04/04/2018 của Công ty TNHH MTV VT & CB Than Đông Bắc)

11. Tài sản**11.1 Tài sản cố định tại ngày 04/04/2018****Bảng 14: Tài sản cố định tại ngày 04/04/2018**

ĐVT: Đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL/NG (%)
I. Tài sản cố định hữu hình	344.387.734.118	188.647.181.918	54,78
- Nhà cửa, vật kiến trúc	73.133.713.230	40.686.975.519	55,63

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

- Máy móc, thiết bị	55.716.612.605	23.964.843.407	43,01
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	214.301.171.645	123.052.444.223	57,42
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	279.513.868	27.901.214	9,98
- Tài sản cố định khác	956.722.772	916.017.555	95,75
II. Tài sản cố định vô hình	219.823.530	15.166.322	6,90
- Phần mềm máy vi tính	219.823.530	15.166.322	6,90

(Nguồn: BCTC kiểm toán cho giai đoạn từ 01/01/2017 - 04/04/2018 của Công ty TNHH MTV VT & CB Than Đông Bắc)

11.2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Bảng 15: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

ĐVT: Đồng

Khoản mục	31/12/2016	04/04/2018
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	202.893.500	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2016 và BCTC kiểm toán cho giai đoạn từ 01/01/2017 - 04/04/2018 của Công ty TNHH MTV VT & CB Than Đông Bắc)

11.3 Chi phí trả trước

Bảng 16: Chi phí trả trước

ĐVT: Đồng

Khoản mục	31/12/2016	04/04/2018
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.313.119.147	3.649.246.126
Công cụ dụng cụ sử dụng dưới 01 năm	428.396.055	2.738.242.339
Bảo hiểm phân bổ trong năm	625.576.093	181.293.454
Đo đạc lập bản đồ xin thuê đất	259.146.999	-
Chi phí vận chuyển bốc xúc than	-	601.390.625
Chi phí nhiên liệu đội vận tải thủy	-	128.319.708
Chi phí trả trước dài hạn	19.247.133.677	25.333.726.758
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	14.999.182.616	4.571.927.174
Chi phí sửa chữa đường bê tông bảng KM6	280.053.333	-
Chi phí sửa chữa kho xăng dầu	194.719.318	-

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

Khoản mục	31/12/2016	04/04/2018
Chi phí nạo vét luồng cảng	349.375.000	2.084.594.511
Chi phí mua sắm CCDC	241.511.535	56.652.984
Chi phí quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000	363.932.083	30.052.055
Chi phí sửa chữa doanh trại	404.781.667	-
Chi phí san lấp mặt bằng bãi Gia Đức	1.058.165.188	51.027.145
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.355.412.937	278.909.543
Chi phí sửa chữa thường xuyên	-	2.398.254.814
Giá trị lợi thế kinh doanh của Doanh nghiệp	-	15.862.308.532

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2016 và BCTC kiểm toán cho giai đoạn từ 01/01/2017 - 04/04/2018 của Công ty TNHH MTV VT & CB Than Đông Bắc)

11.4 Tình hình sử dụng đất đai

Bảng 17: Tình hình sử dụng đất đai

STT	Địa chỉ	Quy mô (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời hạn sử dụng
1	Khu 6B phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	20.174	Trụ sở và nhà ở tập thể CBCNV	Thuê đất trả tiền hàng năm	Thời hạn 50 năm, (29/6/1999-29/6/2049)
2	Phường Quang Hanh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	148.646,2	Kho bãi và tiêu thụ than	Thuê đất trả tiền hàng năm	Thời hạn 25 năm (11/12/2017-31/12/2042)
3	Phường Cẩm Thủy, xã Dương Huy, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	85.071	Kho than tập trung	Thuê đất trả tiền hàng năm	Thời hạn 05 năm (14/12/2016-14/12/2021)
	Xã Dương Huy, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	160.434,1	Tuyến đường tránh bãi thải	Thuê đất trả tiền hàng năm	Thời hạn 05 năm (16/02/2017-16/02/2022)
4	Phường Quang Hanh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	39.251,3	Kho bãi và tiêu thụ than	Thuê đất trả tiền hàng năm	Thời hạn 10 năm (31/12/2015-31/12/2025)

(Nguồn: CTCP VT & CB Than Đông Bắc)

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

12.1 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Bảng 18: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2018 - 2020

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018 (*)		Năm 2019 (**)		Năm 2020 (**)	
	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2017	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2018	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2019
Vốn điều lệ	51.000	-	51.000	-	51.000	-
Doanh thu thuần	1.819.327	-	2.498.542	37,33%	2.573.486	2,99%
Lợi nhuận sau thuế	9.600	-	17.139	78,53%	17.653	2,99%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,53%	-	0,69%	-	0,69%	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	18,82	-	33,61%	-	34,61%	-
Cổ tức	15,4%	-	Do ĐHĐCĐ thường niên hàng năm quyết định			

(Nguồn: Nghị quyết số 01/2018/NQ- ĐHĐCĐ ngày 04/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông thành lập CTCP VT & CB Than Đông Bắc)

(*): Năm 2018, Công ty bắt đầu hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần từ ngày 04/04/2018. Do khác nhau về mô hình hoạt động và giai đoạn ghi nhận doanh thu nên Công ty không thực hiện so sánh tăng/giảm giữa các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 với thực hiện năm 2017.

(**): Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 - 2020 của Công ty được lấy từ Kế hoạch sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa đã được ĐHĐCĐ thành lập thông qua. ĐHĐCĐ thường niên của Công ty sẽ thông qua kế hoạch kinh doanh cho từng năm hoạt động, do đó số liệu này có thể được điều chỉnh tại ĐHĐCĐ thường niên của Công ty trong các năm tiếp theo.

12.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

▪ Giải pháp về tổ chức biên chế:

- Ổn định về mặt tổ chức, biên chế bộ máy cơ quan tinh gọn. Lập phương án quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ, bố trí nhân sự phù hợp với khả năng cá nhân và đáp ứng yêu cầu cao của công việc. Triển khai thực hiện công tác tự đào tạo, tuyển dụng và đảm

- bảo chế độ chính sách với người lao động.
- Xây dựng và thực hiện các chính sách ưu đãi cụ thể để thu hút lực lượng chuyên môn kỹ thuật, công nhân có tay nghề cao, tuyển dụng thêm cán bộ là kỹ sư, cử nhân kinh tế, quản trị kinh doanh, quản trị doanh nghiệp... mở lớp tập huấn, cử đi đào tạo cán bộ quản lý các cấp nhằm đáp ứng các nhu cầu ngày càng cao của nhiệm vụ SXKD và đủ năng lực để phát triển các ngành nghề phát triển mới.
 - Bảo đảm đầy đủ điều kiện, môi trường làm việc an toàn và chăm lo đời sống cho người lao động.
 - Nghiên cứu, đề xuất và ban hành quy chế trả lương của Công ty đảm bảo công bằng, tương xứng với nhiệm vụ, năng suất lao động và hiệu quả công việc, khuyến khích CBCNV, lao động có động cơ tích cực phấn đấu, đạt hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh.
 - Rà soát lại toàn bộ các quy chế hiện hành bổ sung, sửa đổi và ban hành các quy chế, quy định mới phù hợp, đáp ứng mô hình tổ chức của Công ty cổ phần.
 - ***Giải pháp về phát triển ngành nghề và sản phẩm***
 - Nâng cao tính chủ động trong tìm kiếm thêm đối tác mới, tăng cường khâu tiếp thị tìm việc và nêu cao tinh thần tiết kiệm chi phí. Thực hiện chủ trương “đa ngành, đa nghề” đầu tư chủ động phát triển những ngành nghề truyền thống, Công ty tập trung nghiên cứu để phát triển sản phẩm như: Chế biến tiêu thụ than, kinh doanh hàng hóa bằng đường thủy nội địa.
 - Cần chủ động hơn trong công tác khảo sát, thâm nhập thị trường trong nước và ngoài nước nhằm tìm kiếm các khả năng hợp tác mới, khách hàng mới, sản phẩm mới, để có thể chủ động về số lượng giá cả, tránh bị thua thiệt trong kinh doanh.
 - Sản phẩm sau khi được chế biến cần kiểm tra chặt chẽ về mặt chất lượng, khối lượng, nếu không đạt tiêu chuẩn phải loại trừ hoặc có cách xử lý, đồng thời tìm những nguyên nhân chính để khắc phục. Có như vậy mới nâng cao được năng suất chất lượng sản phẩm góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh và thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm của Công ty.
 - ***Giải pháp về thị trường***
 - Giữ vững uy tín của Công ty trên thị trường, tiếp tục xây dựng chiến lược, kế hoạch, biện pháp thực hiện công tác quảng bá năng lực, thương hiệu của Công ty nhằm phát triển thị trường. Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm thoả mãn các yêu cầu của khách hàng.
 - Mở rộng quan hệ, liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp lớn có uy tín để tạo thế mạnh trong thương trường, tăng năng lực cạnh tranh trong dự thầu các dự án lớn, tăng cường công tác tiếp thị mở rộng địa bàn hoạt động, mở rộng thị phần trong và ngoài

nước.

- Mạnh dạn đầu tư đổi mới trang thiết bị, công nghệ phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh và định hướng của đơn vị để đáp ứng yêu cầu trong môi trường cạnh tranh và nắm bắt cơ hội trên thị trường. Đánh giá khả năng cạnh tranh trên thị trường, lựa chọn sản phẩm chủ yếu để đầu tư. Nâng cao năng lực, cạnh tranh bình đẳng và lành mạnh bằng các biện pháp tiết kiệm hạ giá thành, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm dịch vụ.
- Nghiên cứu xây dựng và từng bước nâng cao hệ thống quản lý, điều hành ngày càng hoàn thiện, theo hướng đa dạng hoá ngành nghề, có chuyên sâu ngành nghề mũi nhọn trên cơ sở thế mạnh của Công ty.

▪ ***Giải pháp về công tác đầu tư***

- Tiếp tục từng bước nghiên cứu đầu tư đồng bộ các phương tiện, máy móc thiết bị, công trình, dây chuyền, bến bãi sản xuất, các phương tiện vận tải xà lan.
- Thực hiện đầu tư bổ sung thiết bị sản xuất xe máy, đoàn xà lan, bến bãi có yêu cầu chất lượng cao, từng bước nâng cao khối lượng công việc do máy móc thiết bị thực hiện nhằm tăng năng suất lao động đem lại hiệu quả kinh tế cao.

▪ ***Giải pháp về nguồn vốn***

- Làm tốt công tác quan hệ với các Ngân hàng đang vay, tiếp tục thực hiện các hợp đồng tín dụng đã ký kết với doanh nghiệp Nhà nước.
- Tăng cường thu hồi công nợ từ khách hàng; Làm tốt công tác thanh toán, thu hồi vốn từ các Chủ đầu tư.
- Thu hồi vốn ứ đọng nội bộ: Nợ cá nhân, trong thanh toán nội bộ.
- Tăng cường huy động các nguồn vốn: Mua hàng trả chậm, tạm ứng trước khi bán hàng, phát hành cổ phiếu, huy động vốn nhân rồi, vốn tiết kiệm của CBCNV, lao động.
- Thực hiện thế chấp bằng tài sản đối với các cá nhân nhận khoán.
- Chia cổ tức hàng năm cho các cổ đông bằng tiền hoặc cổ phiếu theo nguyện vọng của các cổ đông thông qua biểu quyết tại Đại hội cổ đông.

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty

Không có

14. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

✦ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

- Không ngừng nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động ; Huy động và sử dụng vốn hiệu quả, hướng đến mục tiêu lợi nhuận, đảm bảo hài hòa lợi ích của cổ đông, người lao động và cộng đồng; Thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- Xây dựng Công ty cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc trở thành đơn vị có

trình độ quản lý tiên tiến, công nghệ hiện đại, sớm hội nhập với khu vực và thế giới.

➤ Chiến lược phát triển của Công ty:

▪ Về phát triển sản xuất kinh doanh

- Đầu tư mở rộng kho bãi phù hợp tiếp nhận, chế biến và tiêu thụ than.
- Phát triển các hệ thống sàng, tuyển rửa than theo hướng đồng bộ, tập trung, giảm dần các cụm sàng tuyển nhỏ lẻ.
- Chế biến than theo hướng tối đa chủng loại than cho thị trường, đa dạng hóa sản phẩm phục vụ nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.
- Đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sàng tuyển theo hướng hiện đại phù hợp với dây chuyền sàng tuyển của đơn vị theo từng giai đoạn.
- Hiện đại hóa hệ thống bốc, rót than đủ sức tiếp nhận xà lan, tàu tự hành trọng tải đến 3000DWT tại Cảng Km6.
- Từng bước nâng cấp năng lực kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy, phát triển mở rộng thị trường ở khu vực phía Nam.

▪ Về phát triển xã hội

Tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng về tay nghề, kỹ năng chuyên môn, kỹ năng làm việc và giao tiếp cho người lao động đồng thời quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực hiện có, chủ động thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao phù hợp với chiến lược phát triển của đơn vị.

▪ Về phát triển môi trường

- Đầu tư các hệ thống phun sương dập bụi tại cụm sàng và xe téc tưới nước các tuyến đường vận chuyển than.
- Đầu tư cải tạo nâng cấp dung tích các bể lắng để đảm bảo dung tích chứa khi xảy ra các trận mưa lớn kéo dài; thường xuyên nạo vét, khơi thông rãnh thoát nước để đảm bảo nước mặt được thu gom về các bể lắng tránh ngập úng kho bãi.
- Đầu tư nạo vét luồng cảng ven bờ kết hợp vệ sinh công nghiệp trên các mặt bằng kho than.

15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty:

Không có

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị

1.1 Danh sách Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị (HĐQT) có 03 thành viên, trong đó 02 thành viên HĐQT điều hành và 01 thành viên HĐQT không điều hành.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
-----	-----------	---------	---------

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

1	Phạm Văn Thức	Chủ tịch HĐQT	TV HĐQT không điều hành
2	Phương Kim Mừng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	TV HĐQT điều hành
3	Trịnh Văn Thanh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	TV HĐQT điều hành

1.2 Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị

✦ Ông Phạm Văn Thức - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Phạm Văn Thức
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 11/5/1965
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Hải Tân, TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương.
- CMTND số: 101133202, Nơi cấp: CA Quảng Ninh, Ngày cấp: 30/05/2008
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/1982 - 7/1985	Trường sỹ quan Lục quân I	Học viên
8/1985 - 7/1989	D20, E304, Quân đoàn 2	B trưởng, C phó
8/1989 - 8/1992	Công ty Duyên Hải, Quân khu 3	Trợ lý Kế hoạch
9/1992 - 02/1995	Công ty cung ứng lương thực và vật liệu XD	Trợ lý kế hoạch
3/1995 - 6/1997	Đội tiêu thụ, CN Công ty Đông Bắc tại Hải Phòng	Đội trưởng
7/1997 - 3/2000	Chi nhánh Công ty Đông Bắc tại Hải Phòng	Phó giám đốc
4/2000 - 9/2001	Xí nghiệp CB & KD than, Công ty Đông Bắc	Phó giám đốc
10/2001 - 8/2004	Xí nghiệp Cảng, Công ty Đông Bắc	Phó giám đốc
9/2004 - 6/2012	Công ty CB & KD than, Tổng Công ty Đông Bắc	Phó giám đốc
7/2012 - 3/2018	Công ty TNHH MTV VT & CB Than	Chủ tịch Công ty

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

	Đông Bắc	
4/2018 đến nay	Công ty cổ phần VT & CB Than ĐB	Chủ tịch HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - Sở hữu cá nhân: 8.400 cổ phiếu, chiếm 0,16% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện cho Tổng Công ty Đông Bắc: 600.000 cổ phiếu, chiếm 11,76% vốn điều lệ.
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Phạm Ngọc Thắng	Em trai	5.300	0,10

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
 - Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Hội đồng quản trị
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Ông Phương Kim Mừng - Thành viên Hội Đồng quản trị kiêm Giám đốc**

- Họ và tên: Phương Kim Mừng
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 02/03/1971
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh.
- CMTND số: 142597764, Nơi cấp: CA Hải Dương, Ngày cấp: 07/07/2009
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/1995 - 3/2000	Chi nhánh Hải Phòng, Công ty Đông Bắc	Nhân viên kế toán
4/2000 - 5/2006	Xí nghiệp CB & KD than, Công ty Đông Bắc	Nhân viên Kế hoạch
6/2006 - 6/2010	Công ty CB & KD than, Tổng Công ty Đông Bắc	Phó Quản đốc
7/2010 - 3/2013	Cty TNHH MTV VT & CB Than ĐB	Quản đốc
4/2013 - 6/2015	Cty TNHH MTV VT & CB Than ĐB	Phó Giám đốc
7/2015 - 3/2018	Cty TNHH MTV VT & CB Than ĐB	Giám đốc
4/2018 đến nay	Công ty cổ phần VT & CB Than ĐB	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - Sở hữu cá nhân: 7.100 cổ phiếu, chiếm 0,14% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện cho Tổng Công ty Đông Bắc: 1.500.000 cổ phiếu, chiếm 29,41% vốn điều lệ.
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
 - Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Hội đồng quản trị, Lương Giám đốc.
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Ông Trịnh Văn Thanh - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc**
- Họ và tên: Trịnh Văn Thanh
 - Giới tính: Nam
 - Ngày sinh: 12/11/1975
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh
 - CMTND số 125555311, Nơi cấp: CA Bắc Ninh, Ngày cấp: 14/09/2010
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế Quản trị doanh nghiệp
 - Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
 - Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
 - Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
7/1999-9/2000	Xí nghiệp CB & KD than, Công ty Đông Bắc	Thuyền viên
10/2000-12/2009	Xí nghiệp CB & KD than, Công ty Đông Bắc	Tổ trưởng tiêu thụ
01/2010 - 3/2013	Công ty TNHH MTV VT & CB Than Đông Bắc	Phó quản đốc
4/2013 - 9/2017	Công ty TNHH MTV VT & CB Than Đông Bắc	Quản đốc
10/2017 - 3/2018	Công ty TNHH MTV VT & CB Than Đông Bắc	Phó Giám đốc
4/2018- Đến nay	Công ty cổ phần VT & CB Than Đông Bắc	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - Sở hữu cá nhân: 6.700 cổ phiếu, chiếm 0,13% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện cho Tổng Công ty Đông Bắc: 501.000 cổ phiếu, chiếm 9,82% vốn điều lệ.
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Hội đồng quản trị, Lương Phó Giám đốc
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

2. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Ban kiểm soát

2.1 Danh sách Ban kiểm soát

Ban kiểm soát (BKS) có 03 thành viên. Cụ thể:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Mạnh Kết	Trưởng Ban kiểm soát
2	Thi Thị Thanh Hảo	Thành viên Ban kiểm soát
3	Phương Trung Dũng	Thành viên Ban kiểm soát

2.2 Sơ yếu lý lịch Thành viên Ban kiểm soát:

♣ Ông Lê Mạnh Kết - Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: Lê Mạnh Kết
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 28/05/1986
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Cụm 3 - Tân Lập - Đan Phượng - Hà Nội
- CMTND số: 001086007933, Nơi cấp: Cục Cảnh sát, Ngày cấp: 08/03/2017
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát, Trưởng ban Tài chính CN Hải Phòng.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2009 - 2012	Công ty TNHH Phương Sơn	Kế toán tổng hợp
2012 - 2013	Công ty CP quốc tế Trường Minh	Kế toán viên
2014 - 3/2018	Công ty TNHH MTV VT & CB Than Đông Bắc	Trưởng ban Tài chính CN Hải Phòng
3/2018 đến nay	Công ty cổ phần VT & CB Than Đông	Trưởng Ban kiểm soát,

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

	Bắc	Trưởng ban Tài chính CN Hải Phòng
--	-----	--------------------------------------

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - Sở hữu cá nhân: 2.300 cổ phiếu, chiếm 0,05% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Trưởng Ban kiểm soát, Lương.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

➤ Bà Thi Thị Thanh Hào - Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Thi Thị Thanh Hào
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 05/04/1974
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1, khu 6A, Phường Cẩm Thịnh, TP Cẩm phả, Tỉnh Quảng Ninh.
- CMTND số: 022174000212, Nơi cấp: Cục quản lý dân cư, Ngày cấp: 28/09/2015.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát, Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
3/1996-6/2006	Xí nghiệp CB & KD than, Công ty Đông Bắc	Nhân viên Kế toán
7/2006-6/2012	Công ty CB & KD than, Tổng Công ty Đông Bắc	Nhân viên Kế toán
7/2012 -3/2018	Công ty TNHH MTV VT & CB Than Đông Bắc	Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế toán
4/2018 đến nay	Công ty cổ phần VT & CB Than Đông Bắc	Thành viên Ban kiểm soát, Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế toán

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

- Sở hữu cá nhân: 7.100 cổ phiếu, chiếm 0,14% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
 - Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Ban kiểm soát, Lương.
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Ông Phương Trung Dũng - Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Phương Trung Dũng
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 23/07/1987
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 113 Trần Quang Diệu, Phường Hải Tân, TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương.
- CMTND số: 142249075, Nơi cấp: Công an Hải Dương, Ngày cấp: 13/07/2015
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát, Nhân viên Kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/2013 - 10/2016	Công ty TNHH MTV VT & CB Than Đông Bắc	Nhân viên Kinh tế
11/2016 - 3/2018	Công ty TNHH MTV VT & CB Than Đông Bắc	Nhân viên Kế toán
4/2018 đến nay	Công ty TNHH MTV VT & CB Than Đông Bắc	Nhân viên Kế toán

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - Sở hữu cá nhân: 2.400 cổ phiếu, chiếm 0,05% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Phương Kim Tăng	Bồ đề	1.600	0,03

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Ban kiểm soát, Lương.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

3. Sơ yếu lý lịch Ban Giám đốc:

3.1 Danh sách thành viên Ban Giám đốc

Ban Giám đốc có 03 thành viên, trong đó có 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc. Cụ thể:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Phuong Kim Mừng	Giám đốc
2	Trịnh Văn Thanh	Phó Giám đốc
3	Đỗ Văn Vui	Phó Giám đốc

3.2 Sơ yếu lý lịch Ban Giám đốc

♣ Ông Phương Kim Mừng - Giám đốc

Sơ yếu lý lịch đã được trình bày ở mục 1.2

♣ Ông Trịnh Văn Thanh - Phó Giám đốc

Sơ yếu lý lịch đã được trình bày ở mục 1.2

♣ Ông Đỗ Văn Vui - Phó Giám đốc

- Họ và tên: Đỗ Văn Vui
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 07/02/1971
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 7, Phường Cửa Ông, Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
- CMTND số: 100606145, Nơi cấp: CA Quảng Ninh, Ngày cấp: 05/07/2009
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ngoại thương
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/1998 - 5/2006	XN CB & KD than, Công ty Đông Bắc	Nhân viên
6/2006 - 6/2007	Công ty CB&KD than, Cty Đông Bắc	Phụ trách Quản đốc
7/2007 - 7/2010	Công ty CB & KD than, Công ty Đông Bắc	Quản đốc
8/2010 - 8/2015	Công ty TNHH MTV VT & CB Than Đông Bắc	Trưởng phòng Kế hoạch

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

9/2015 - 3/2018	Công ty TNHH MTV VT & CB Than Đông Bắc	Phó Giám đốc
4/2018 đến nay	Công ty cổ phần VT & CB Than Đông Bắc	Phó Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - Sở hữu cá nhân: 6.800 cổ phiếu, chiếm 0,13% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Lương Phó Giám đốc.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

4. Sơ yếu lý lịch Kế toán trưởng:

✚ Bà Trần Thị Quỳnh Trang - Kế toán trưởng.

- Họ và tên: Trần Thị Quỳnh Trang
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 03/12/1972
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 22, Tổ 2, Cẩm Thủy - Cẩm Phả - Quảng Ninh.
- CMTND số: 100625283, Nơi cấp: CA Quảng Ninh, Ngày cấp: 24/06/2014
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế và Quản trị doanh nghiệp
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng phòng tài chính, kế toán (Kế toán trưởng).
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/1996 - 3/2005	XN CB & KD than - Công ty Đông Bắc	Nhân viên kế toán Tổng hợp
4/2005 - 7/2010	Công ty CB&KD than, Cty Đông Bắc	Phó phòng Kế hoạch
8/2010 - 3/2015	Công ty TNHH MTV VT&CB Than Đông Bắc	Trưởng phòng TCLĐ
4/2015 - 3/2018	Công ty TNHH MTV VT & CB Than Đông Bắc	Trưởng phòng Tài chính - Kế toán

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

4/2018 đến nay	Công ty cổ phần VT & CB Than Đông Bắc	Trưởng phòng Tài chính - Kế toán
----------------	---------------------------------------	-------------------------------------

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - Sở hữu cá nhân: 16.200 cổ phiếu, chiếm 0,32% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Lương.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

5. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo các hoạt động của Ban Giám đốc và bộ máy giúp việc của Công ty, bảo đảm thực hiện đúng các nội dung được thông qua trong các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị công ty.
- Đổi mới công tác giám sát, đặc biệt là giám sát chiều sâu theo từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông qua các thành viên HĐQT được phân công phụ trách.
- Trong các năm tiếp theo, để nâng cao công tác quản trị, Công ty sẽ liên tục rà soát, hoàn chỉnh các quy chế và quy định mới phù hợp với các chuẩn mực tiên tiến nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày một cao của khách hàng.
- Tăng cường phối hợp trong quá trình hoạt động của Ban kiểm soát để phát hiện sớm các bất cập, có biện pháp phòng ngừa và xử lý kịp thời, hạn chế rủi ro trong hoạt động tài chính.
- Kiện toàn bộ máy tổ chức Công ty tinh gọn, hiệu quả phù hợp với hoạt động của công ty cổ phần và xu hướng phát triển của nền kinh tế thị trường.
- Bên cạnh đó, Công ty sẽ chú trọng tới việc nâng cao năng lực nhân sự thông qua các khóa đào tạo, đào tạo lại đội ngũ CBCNV; Có chính sách thu hút nhân lực trình độ cao về làm việc; Đảm bảo môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả, phát huy tối đa năng lực của người lao động.
- Tiếp tục chỉ đạo mạnh mẽ và phát triển các ứng dụng công nghệ khoa học phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý doanh nghiệp.
- Trưởng Ban kiểm soát của Công ty chưa làm việc chuyên trách tại Công ty và các thành viên Ban kiểm soát hiện nay đang là kế toán viên Phòng Tài chính - Kế toán của Công ty là chưa tuân thủ quy định hiện hành về quản trị công ty theo Luật Doanh nghiệp và Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Chính phủ hướng

dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, Công ty sẽ tiến hành thay đổi, kiện toàn lại nhân sự tại kỳ Đại hội cổ đông gần nhất.

III. PHỤ LỤC

1. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. BCTC kiểm toán năm 2016; BCTC kiểm toán cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 04/04/2018.

Quảng Ninh, ngày ...28 tháng 09 năm 2018

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN THAN ĐÔNG BẮC**



CHỦ TỊCH HĐQT
Phạm Văn Thúc

**TRƯỞNG
BAN KIỂM SOÁT**

Lê Mạnh Kết

GIÁM ĐỐC

Phương Kim Mừng

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Thị Quỳnh Trang

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST**

TỔNG GIÁM ĐỐC



Ngô Thị Thùy Linh